

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

Khoa Tiếng Đức

-----oOo-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

-----oOo-----

**ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

**Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022**

**Môn học:** Phân tích và thiết kế học liệu (61GER4LMD)

Ngày thi kết thúc học phần: 13/12/2021

**Số tín chỉ: 3**

Phòng thi: 01 - MS Team\_Zoom

CBCT: Cô B.Hiền, Cô Liên

| STT | SBD     | Mã SV      | Họ và tên SV      |       | CC<br>10% | GHP<br>30% | Thi [60%] | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|---------|------------|-------------------|-------|-----------|------------|-----------|---------|---------|
| 1   | 4LMD-01 | 1807050002 | Tô Thái           | An    | 9.0       | 8.3        | 7.5       |         |         |
| 2   | 4LMD-02 | 1807050004 | Đặng Ngọc Tú      | Anh   | 9.0       | 8.9        | 7.1       |         |         |
| 3   | 4LMD-03 | 1807050006 | Hoàng Lâm         | Anh   | 9.0       | 9.1        | 6.2       |         |         |
| 4   | 4LMD-04 | 1807050011 | Nguyễn Kiều       | Anh   | 10.0      | 9.4        | 8.7       |         |         |
| 5   | 4LMD-05 | 1807050012 | Nguyễn Thị        | Anh   | 9.0       | 8.6        | 7.7       |         |         |
| 6   | 4LMD-06 | 1807050013 | Nguyễn Thị Lan    | Anh   | 9.0       | 9.2        | 9.5       |         |         |
| 7   | 4LMD-07 | 1807050015 | Nguyễn Thị Phương | Anh   | 9.0       | 8.9        | 8.9       |         |         |
| 8   | 4LMD-08 | 1807050018 | Nguyễn Thị Vân    | Anh   | 8.5       | 8.8        | 8.0       |         |         |
| 9   | 4LMD-09 | 1807050021 | Phạm Minh         | Anh   | 10.0      | 9.1        | 8.1       |         |         |
| 10  | 4LMD-10 | 1807050023 | Phạm Ngọc         | Anh   | 10.0      | 9.1        | 8.3       |         |         |
| 11  | 4LMD-11 | 1807050026 | Phạm Thị Hải      | Anh   | 8.7       | 9.0        | 6.3       |         |         |
| 12  | 4LMD-12 | 1807050027 | Phan Thị Vân      | Anh   | 9.0       | 9.2        | 8.6       |         |         |
| 13  | 4LMD-13 | 1707050020 | Phùng Thị Hoàng   | Anh   | 9.0       | 8.7        | 7.1       |         |         |
| 14  | 4LMD-14 | 1807050029 | Trần Thị Phương   | Anh   | 9.0       | 9.1        | 8.1       |         |         |
| 15  | 4LMD-15 | 1807050031 | Vũ Mai            | Anh   | 10.0      | 9.4        | 7.3       |         |         |
| 16  | 4LMD-16 | 1707050028 | Nguyễn Thị Thanh  | Bình  | 10.0      | 9.2        | 8.7       |         |         |
| 17  | 4LMD-17 | 1807050036 | Nguyễn Hà         | Chi   | 7.7       | 8.9        | 5.8       |         |         |
| 18  | 4LMD-18 | 1707050032 | Trần Thị Thùy     | Dung  | 9.0       | 8.4        | 7.2       |         |         |
| 19  | 4LMD-19 | 1807050043 | Đỗ Hà             | Dương | 10.0      | 9.3        | 6.2       |         |         |
| 20  | 4LMD-20 | 1807050045 | Nguyễn Thuý       | Dương | 9.0       | 9.2        | 9.2       |         |         |
| 21  | 4LMD-21 | 1807050049 | Nguyễn Thanh      | Hà    | 8.7       | 8.4        | 7.4       |         |         |
| 22  | 4LMD-22 | 1807050054 | Phạm Thị Hồng     | Hạnh  | 10.0      | 9.0        | 8.8       |         |         |
| 23  | 4LMD-23 | 1707050060 | Lê Phương         | Hiền  | 10.0      | 9.6        | 9.4       |         |         |
| 24  | 4LMD-24 | 1807050057 | Nguyễn Thị        | Hoa   | 9.0       | 8.8        | 7.5       |         |         |
| 25  | 4LMD-25 | 1607050047 | Đỗ Thị            | Hồng  | 10.0      | 9.6        | 6.2       |         |         |
| 26  | 4LMD-26 | 1807050061 | Trần Thị          | Huyền | 9.0       | 8.9        | 9.1       |         |         |
| 27  | 4LMD-27 | 1807050064 | Trương Thị Mai    | Hương | 9.0       | 9.1        | 7.2       |         |         |
| 28  | 4LMD-28 | 1807050070 | Trần Thị          | Lịch  | 8.7       | 9.0        | 7.1       |         |         |
| 29  | 4LMD-29 | 1807050072 | Đặng Mỹ           | Linh  | 8.5       | 9.0        | 6.0       |         |         |
| 30  | 4LMD-30 | 1807050077 | Trần Thị Thùy     | Linh  | 9.0       | 8.3        | 6.3       |         |         |
| 31  | 4LMD-31 | 1807050079 | Lại Tiến          | Long  | 7.5       | 9.2        | 6.9       |         |         |
| 32  | 4LMD-32 | 1807050082 | Nguyễn Hoàng      | Ly    | 9.0       | 8.6        | 8.8       |         |         |
| 33  | 4LMD-33 | 1807050083 | Bùi Sao           | Mai   | 8.5       | 9.0        | 8.3       |         |         |
| 34  | 4LMD-34 | 1707050101 | Vũ Hoàng Phương   | Mai   | 8.5       | 8.8        | 7.8       |         |         |
| 35  | 4LMD-35 | 1707050102 | Phạm Thị          | May   | 8.0       | 8.6        | 5.6       |         |         |
| 36  | 4LMD-36 | 1807050085 | Ngô Thị Nhật      | Minh  | 8.7       | 9.3        | 7.8       |         |         |

| STT | SBD     | Mã SV      | Họ và tên SV   |               | CC<br>10% | GHP<br>30% | Thi [60%] | Điểm HP | Ghi chú |
|-----|---------|------------|----------------|---------------|-----------|------------|-----------|---------|---------|
| 37  | 4LMD-37 | 1807050087 | Hoàng Thị      | <b>Mơ</b>     | 8.2       | 8.1        | 7.4       |         |         |
| 38  | 4LMD-38 | 1707050103 | Tạ Thị Trà     | <b>My</b>     | 9.0       | 9.6        | 7.4       |         |         |
| 39  | 4LMD-39 | 1807050096 | Trần Anh       | <b>Ngọc</b>   | 9.0       | 8.9        | 7.1       |         |         |
| 40  | 4LMD-40 | 1807050151 | Lê Độ Nam      | <b>Nguyên</b> | 9.0       | 8.2        | 7.0       |         |         |
| 41  | 4LMD-41 | 1807050100 | Phạm Lê Phương | <b>Nhi</b>    | 10.0      | 9.4        | 9.5       |         |         |
| 42  | 4LMD-42 | 1707050118 | Nguyễn Trang   | <b>Nhung</b>  | 9.5       | 9.6        | 8.2       |         |         |
| 43  | 4LMD-43 | 1807050103 | Vũ Thị         | <b>Như</b>    | 8.2       | 7.9        | 7.0       |         |         |
| 44  | 4LMD-44 | 1807050105 | Khuất Thu      | <b>Phương</b> | 9.0       | 8.3        | 8.8       |         |         |
| 45  | 4LMD-45 | 1807050108 | Nguyễn Thị Như | <b>Quỳnh</b>  | 9.0       | 9.3        | 8.5       |         |         |
| 46  | 4LMD-46 | 1807050113 | Nguyễn Phương  | <b>Thanh</b>  | 9.0       | 8.4        | 7.2       |         |         |
| 47  | 4LMD-47 | 1807050114 | Nguyễn Thị     | <b>Thanh</b>  | 9.0       | 8.6        | 9.0       |         |         |
| 48  | 4LMD-48 | 1807050117 | Nguyễn Mai Anh | <b>Thảo</b>   | 9.0       | 7.7        | 5.7       |         |         |
| 49  | 4LMD-49 | 1807050118 | Phạm Phương    | <b>Thảo</b>   | 9.0       | 9.1        | 6.0       |         |         |
| 50  | 4LMD-50 | 1807050119 | Đặng Hoài      | <b>Thu</b>    | 10.0      | 9.4        | 5.5       |         |         |
| 51  | 4LMD-51 | 1807050121 | Vũ Thị Diệu    | <b>Thúy</b>   | 9.0       | 8.0        | 7.1       |         |         |
| 52  | 4LMD-52 | 1807050124 | Bùi Thu        | <b>Trang</b>  | 9.0       | 8.8        | 9.0       |         |         |
| 53  | 4LMD-53 | 1807050126 | Đỗ Thu         | <b>Trang</b>  | 10.0      | 9.1        | 8.9       |         |         |
| 54  | 4LMD-54 | 1807050133 | Vũ Huyền       | <b>Trang</b>  | 9.0       | 8.5        | 7.5       |         |         |
| 55  | 4LMD-55 | 1807050134 | Vũ Thu         | <b>Trang</b>  | 10.0      | 8.5        | 8.5       |         |         |
| 56  | 4LMD-56 | 1807050135 | Nguyễn Thanh   | <b>Trâm</b>   | 9.0       | 8.4        | 6.0       |         |         |
| 57  | 4LMD-57 | 1807050138 | Phạm Thị Thu   | <b>Uyên</b>   | 9.0       | 8.9        | 6.7       |         |         |
| 58  | 4LMD-58 | 1807050139 | Trương Thu     | <b>Uyên</b>   | 9.0       | 9.1        | 7.3       |         |         |
| 59  | 4LMD-59 | 1807050141 | Hoàng Thị Bích | <b>Vân</b>    | 8.2       | 8.1        | 7.3       |         |         |
| 60  | 4LMD-60 | 1807050142 | Nguyễn Thị Cẩm | <b>Vân</b>    | 9.0       | 9.2        | 8.7       |         |         |
| 61  | 4LMD-61 | 1807050145 | Nguyễn Khánh   | <b>Vi</b>     | 9.0       | 9.4        | 6.0       |         |         |
| 62  | 4LMD-62 | 1807050147 | Cao Thị        | <b>Yến</b>    | 8.2       | 8.8        | 8.1       |         |         |
| 63  | 4LMD-63 | 1807050148 | Nguyễn Hoàng   | <b>Yến</b>    | 9.0       | 9.2        | 7.5       |         |         |

Hà Nội, ngày 28.12.2021

Khoa tiếng Đức

Người lập bảng